

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

*kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 08 năm 2017*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

---

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017	10 - 31
<i>Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i>	32
<i>Phụ lục số 02: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước</i>	33
<i>Phụ lục số 03: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay</i>	34
<i>Phụ lục số 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu</i>	35

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại Tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 12 ngày 12 tháng 01 năm 2012. Theo đó:

**Vốn Điều lệ của Công ty: 80.000.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng)*

**Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng**

**Trụ sở chính: Số 36 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**

**Công ty có các công ty con sau:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty TNHH ITV Phần mềm và Truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Tầng 4, số 31B/151A, phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Số 7, ngách 17/2, đường Hoàng Ngọc Phách, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

### **Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:**

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;

Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);

- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;

- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;

- Kinh doanh bất động sản;

- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;

Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);

- Cung cấp các giải pháp tin học;

- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

- Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;

- Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

**A Hội đồng quản trị:**

- |                      |               |
|----------------------|---------------|
| 1 Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Lê Ngọc Tú     | Ủy viên       |
| 3 Ông Phạm Duy Hùng  | Ủy viên       |
| 4 Ông Phạm Ngọc Sơn  | Ủy viên       |
| 5 Ông Lê Trọng Đại   | Ủy viên       |

**B Ban Tổng Giám đốc:**

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông Lê Ngọc Tú       | Tổng Giám đốc     |
| 2 Ông Nguyễn Đức Thuận | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Phạm Ngọc Sơn    | Phó Tổng Giám đốc |

**2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

**3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông



Tổng Giám đốc

Lê Ngọc Tú

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

Số: 258 /CPAHANOI – BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được lập ngày 08/08/2017 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Tại Báo cáo soát xét số 114.2/BCKT – TC ngày 26 tháng 08 năm 2016.

Báo cáo soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

Số: 0132-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>214.803.220.248</b>	<b>295.423.341.832</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>21.253.562.960</b>	<b>30.865.502.084</b>
1. Tiền	111		16.253.562.960	25.865.502.084
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>117.554.663.967</b>	<b>173.629.806.976</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	92.668.259.681	130.107.159.266
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	9.882.387.746	18.701.004.155
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	10.000.000.000	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	5.399.429.861	23.217.056.876
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(395.413.321)	(395.413.321)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>72.671.371.895</b>	<b>88.346.876.089</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.671.371.895	88.346.876.089
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.323.621.426</b>	<b>2.581.156.683</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	3.133.323.475	2.397.505.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	190.297.951	183.651.288
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>69.234.450.014</b>	<b>34.781.412.635</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>32.389.877.094</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	32.389.877.094	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.988.482.378</b>	<b>26.397.991.793</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	511.732.378	671.404.991
- Nguyên giá	222		4.878.117.684	4.878.117.684
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.366.385.306)	(4.206.712.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.476.750.000	25.726.586.802
- Nguyên giá	228		37.950.882.207	37.950.882.207
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.474.132.207)	(12.224.295.405)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.856.090.542</b>	<b>8.324.304.553</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	10.856.090.542	8.324.304.553
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>59.116.289</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	-	59.116.289
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>284.037.670.262</b>	<b>330.204.754.467</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

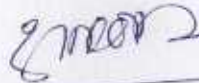
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>145.229.844.065</b>	<b>193.236.441.139</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.102.458.644</b>	<b>182.357.818.791</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	43.562.682.540	35.576.322.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	58.984.837.007	57.560.105.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	1.035.544.640	198.413.779
4. Phải trả người lao động	314		695.433.166	1.988.793.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	184.078.784	356.601.292
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	234.174.132	311.976.155
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	24.124.240.654	81.808.731.298
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.281.467.721	4.556.875.165
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.127.385.421</b>	<b>10.878.622.348</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	7.282.929.022	7.758.758.505
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.844.456.399	3.119.863.843
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>138.807.826.197</b>	<b>136.968.313.328</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>138.807.826.197</b>	<b>136.968.313.328</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.19	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(5.233.803.523)	(5.233.803.523)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.011.828.236	27.577.384.062
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.248.499.290	1.886.203.012
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		28.781.302.194	32.738.529.777
- I.NST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.123.304.213	25.492.604.213
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.657.997.981	7.245.925.564
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>284.037.670.262</b>	<b>330.204.754.467</b>

Người lập biểu



Trần Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Ngọc Tú

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: đồng	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		2	3	4	5	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	52.099.392.557	114.717.883.283	104.420.804.195	196.381.310.576
2.	Các khoản giảm trừ	2	VI.02				
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	52.099.392.557	114.717.883.283	104.420.804.195	196.381.310.576
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	42.065.145.882	100.401.838.662	89.380.224.595	178.737.554.054
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		10.034.246.675	14.316.044.621	15.040.579.600	17.643.756.522
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	482.948.248	493.234.217	1.252.592.805	2.570.853.435
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	966.624.210	1.781.476.543	2.342.504.692	2.686.252.547
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		778.110.350	1.251.986.047	2.146.043.177	2.072.345.200
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong Cty LD, LK	24					
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	554.106.823	1.494.900.966	1.080.135.935	2.668.859.476
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.043.806.038	5.307.068.882	8.131.646.818	12.359.936.747
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.952.657.852	6.225.832.447	4.738.884.960	2.499.561.187
12.	Thu nhập khác	31	VI.09	-	1.850.003	45.604	1.850.003
13.	Chi phí khác	32	VI.10	20.000	213.642.111	3.329.181	213.642.112
14.	Lợi nhuận khác	40		(20.000)	(211.792.108)	(3.283.577)	(211.792.109)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.952.637.852	6.014.040.339	4.735.601.383	2.287.769.078
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.077.603.402	653.427.886	1.077.603.402	659.402.886
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.875.034.450	5.360.612.453	3.657.997.981	1.628.366.192
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cty mẹ	61		3.875.034.450	5.360.612.453	3.657.997.981	1.628.366.192
20.	Lợi nhuận sau thuế của CD không kiểm soát	62					
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	532	736	502	224
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

*Trần Thị Minh*

Trần Thị Minh

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Hoa*

Nguyễn Thị Hoa

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/ 2017

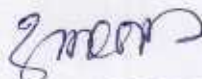
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	150.748.769.813	159.846.479.852
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(62.300.507.952)	(154.615.341.382)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.066.198.716)	(5.534.880.946)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.318.565.685)	(2.057.206.056)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(2.653.290.072)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.324.065.290	46.191.448.421
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.939.139.117)	(61.831.412.530)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>56.448.423.633</b>	<b>(20.654.202.713)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.837.811.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	99.957.370	2.538.118.667
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.900.042.630)</b>	<b>(1.299.692.333)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	22.498.594.533	93.414.753.153
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(80.658.914.660)	(84.239.800.169)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(58.160.320.127)</b>	<b>9.174.952.984</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(9.611.939.124)</b>	<b>(12.778.942.062)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.865.502.084	29.697.915.945
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.841.956)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.253.562.960	16.917.131.927

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Thị Minh

Nguyễn Thị Hoa

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



Lê Ngọc Tú

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/ 2017**

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 12 ngày 12 tháng 01 năm 2012. Theo đó:

**Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng)**

**Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng**

**Trụ sở chính: Số 36 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**

#### **2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;
- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn chuyên gia công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);

#### **4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)*

- Đối với hoạt động xây lắp: Chu kỳ hoạt động kinh doanh theo từng hợp đồng xây dựng.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp:

*Danh sách các công ty con được hợp nhất:*

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH 1TV Phần mềm và Truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Tầng 4, số 31B/151A, phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Số 7, ngách 17/2, đường Hoàng Ngọc Phách, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

## III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

### 1 Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3 Trình tự và phương pháp hợp nhất:**

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con, phần tài sản thuần của công ty mẹ nắm giữ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ (nếu có).

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ cho các giao dịch phát sinh trong nội bộ tập đoàn.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### **4 Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:**

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền:*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:*

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **6 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

**Đối với chứng khoán kinh doanh:** Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Thời điểm ghi nhận là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, đối với chứng khoán niêm yết thời điểm ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Cuối niên độ kế toán, chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá cho từng loại chứng khoán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;

Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;

Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;

Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng;

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

**Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản ngoài chứng khoán kinh doanh như các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

**Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:**

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

**Phải thu của khách hàng:** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

**Phải thu nội bộ:** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

**Phải thu khác:** phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

**8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

- \* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

**Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:**

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền).

**Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn..

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

**9. Nguyên tắc kế toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:**

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ:**

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Phần mềm quản lý	03 - 07 năm

**10. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

- Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.



- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
  - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
  - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
  - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

## 12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

## 13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

### Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:**

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán vật tư, dịch vụ khách sạn nhà hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

#### **16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**

**Chi phí tài chính:** Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

#### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

#### **19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

*Cơ sở lập báo cáo tài chính* : Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

*Các bên liên quan* : Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>1. Tiền</b>			
Tiền mặt		3.536.359.051	3.972.124.605
Tiền gửi ngân hàng		12.717.203.909	21.893.377.479
<b>Cộng</b>		<b>16.253.562.960</b>	<b>25.865.502.084</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng		5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>		Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		<b>92.668.259.681</b>	<b>130.107.159.266</b>
Bưu điện trung ương CPT		368.965.888	368.965.888
Công ty công nghệ thông tin điện lực Miền Bắc		20.195.622.276	44.609.420.640
Tổng công ty hạ tầng mạng		3.864.568.558	8.965.440.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam		11.792.135.738	29.842.382.252
Công ty TNHH STARVIEW Việt Nam		5.230.859.126	5.230.859.126
Huawei Tech Investment Co. Ltd		144.863.461	144.959.249
Công ty CP Công nghệ Vĩnh Hưng		184.000.002	184.000.002
Viện chiến lược Khoa học Công An		1.622.178.476	1.622.178.476
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		17.145.784.767	16.507.985.544
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam		-	12.312.000.000
Viện nghiên cứu và Phát triển Viettel		810.457.384	9.112.376.104
Công ty CP dịch vụ thương mại Tổng hợp Vincommerce		714.756.540	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Hợp đồng 012016/MB-INF		9.530.400.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		598.975.230	-
NH TMCP Công thương Việt Nam		7.579.200.000	-
Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy		9.864.975.600	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP		1.872.154.250	-
Các đối tượng khác		1.148.362.385	1.206.591.985
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>		-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>92.668.259.681</b>	<b>130.107.159.266</b>
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH xây dựng và công nghệ Bắc Hà		37.094.640	-
Công ty CP Bền		31.508.999	31.508.999
TELCOM NETWORKS ASIA		680.550.000	607.115.514
Công ty CP Du lịch hữu hạn làng Nghi Tàm		-	46.212.500

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội  
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Netpoleon IndoChina Pte Ltd	-	567.500.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ MW Việt	378.247.207	378.247.207
Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại Bảo Sơn	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K	-	55.000.000
Công ty TNHH MTV công nghệ và dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	15.010.551.660
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ thư viện T&T	50.875.000	50.875.000
Tadiran Telecom Business Systems Ltd	5.848.420	226.532.153
Công ty TNHH Phân phối FPT	-	96.305.000
Công ty Luật TNHH Minh Khuê	11.000.000	11.000.000
Công ty TNHH Starview Việt Nam	25.242.800	399.938.000
Specialised Products (SPECIALI)	3.385.516.659	-
Các đối tượng khác	2.094.446.561	1.160.218.122
<b>Cộng</b>	<b>9.882.387.746</b>	<b>18.701.004.155</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Bất động sản BIGHOMES _ BIGSHOMES	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Việt Hàn (*)	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

(\*) Cho Công ty TNHH Công nghệ Việt Hàn vay theo Hợp đồng số 2004 - 2017/HĐVV/INFONET - VIETHAN ký ngày 20/04/2017, số tiền là 5.000.000.000 đồng để thực hiện các dự án kinh doanh, thời gian vay 10 tháng kể từ khi nhận được tiền, lãi suất tính theo lãi suất không kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm tất toán khoản vay.

(\*) Cho Công ty TNHH Công nghệ Việt Hàn vay theo Hợp đồng số 0506 - 2017/HĐVV/INFONET - VIETHAN ký ngày 05/06/2017, số tiền là 5.000.000.000 đồng để thực hiện các dự án kinh doanh, thời gian vay 06 tháng kể từ khi nhận được tiền, lãi suất tính theo lãi suất không kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm tất toán khoản vay.

**5. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.399.429.861</b>	<b>-</b>	<b>23.217.056.876</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	3.450.953.976	-	244.053.976	-
Các khoản phải thu khác	1.945.676.396	-	1.933.425.806	-
Cty TNHH Công nghệ ISI	1.874.166.300	-	1.874.166.300	-
Thuế TNCN phải thu CBNV	28.950.211	-	28.950.211	-
BHXH	18.343.271	-	12.928.987	-
Chi cục Hải quan bưu điện Hà Nội	7.920.455	-	7.920.455	-
Công ty điện lực Đống Đa	16.296.159	-	7.860.364	-
Đối tượng khác	2.799.489	-	1.599.489	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-	21.039.577.094	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	20.988.497.565	-
Công ty công nghệ thông tin điện lực miền bắc	-	-	44.550.000	-
Ký cược Ký quỹ ngắn hạn khác	-	-	6.529.529	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

<b>b. Dài hạn</b>	<b>32.389.877.094</b>	-	-	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	32.338.797.565	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	32.338.797.565	-	-	-
Công ty công nghệ thông tin điện lực miền bắc	44.550.000	-	-	-
Ký cược Ký quỹ ngắn hạn khác	6.529.529	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.789.306.955</b>	-	<b>23.217.056.876</b>	-

**6. Nợ xấu trích lập dự phòng**

	Số dự phòng cuối kỳ	Số trích thêm trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dự phòng đầu năm
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(395.413.321)	-	-	(395.413.321)

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX, KD dở dang	2.702.979.037	-	2.724.310.554	-
Hàng hóa	69.968.392.858	-	85.622.565.535	-
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>72.671.371.895</b>	-	<b>88.346.876.089</b>	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>		
Thuế GTGT được khấu trừ	3.133.323.475	2.397.505.395
<i>Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.133.323.475</b>	<b>2.397.505.395</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>**

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000	-	12.474.132.207	37.950.882.207
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	25.476.750.000	-	12.474.132.207	37.950.882.207
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	12.224.295.405	12.224.295.405
Khấu hao trong kỳ	-	-	249.836.802	249.836.802
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	12.474.132.207	12.474.132.207
<b>Giá trị còn lại</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000	-	249.836.802	25.726.586.802
<i>Số dư cuối kỳ</i>	25.476.750.000	-	-	25.476.750.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**11. Chi phí XDCB dở dang**

Văn phòng công ty tại 33 Vũ Ngọc Phan

**Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
10.856.090.542	8.324.304.553
<b>10.856.090.542</b>	<b>8.324.304.553</b>

**12. Chi phí trả trước***a. Ngắn hạn**b. Dài hạn*

Chi phí trả trước dài hạn khác

**Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-	-
-	59.116.289
-	59.116.289
<b>-</b>	<b>59.116.289</b>

**13. Phải trả người bán****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>43.562.682.540</b>	<b>43.562.682.540</b>	<b>35.576.322.015</b>	<b>35.576.322.015</b>
<i>Công ty TNHH MGE UPS SYSTEMS Việt Nam</i>	452.208.886	452.208.886	452.208.886	452.208.886
Turaz.,Ltd	3.880.860.000	3.880.860.000	3.883.416.000	3.883.416.000
<i>BLITZ IT CONSULTANTS PTE LTD</i>	148.037.500	148.037.500	145.307.500	145.307.500
ECl telecom LTD	162.636.275	162.636.275	256.000.070	256.000.070
EZY infotech PTE.LDT	1.708.125.456	1.708.125.456	1.709.250.456	1.709.250.456
<i>ROYAL ASIA (GROUP) LIMITED</i>	8.232.921.313	8.232.921.313	1.795.474.826	1.795.474.826
Starview International Pte Ltd	7.955.770.288	7.955.770.288	7.961.010.093	7.961.010.093
Specialised Products	-	-	2.020.392.754	2.020.392.754
<i>Công ty TNHH MTV giải pháp phần mềm và tích hợp hệ thống Tinh Vân</i>	-	-	4.279.091.600	4.279.091.600
<i>Công ty CP đầu tư và xây lắp kỹ thuật hạ tầng</i>	3.787.083.210	3.787.083.210	10.998.318.870	10.998.318.870
Các đối tượng khác	17.235.039.612	17.235.039.612	2.075.850.960	2.075.850.960
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>43.562.682.540</b>	<b>43.562.682.540</b>	<b>35.576.322.015</b>	<b>35.576.322.015</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

Công an tỉnh Ninh Bình	31.800.000.000	18.800.000.000
Cục tin học nghiệp - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật -BCA	5.766.782.007	5.766.782.007
Trường đại học Phòng cháy chữa cháy	-	10.307.975.880
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	9.530.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	5.052.800.000
Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ PSIV	4.768.335.000	4.768.335.000
Học viện chính trị công an nhân dân	2.580.000.000	2.580.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Tập đoàn Vingroup	-	753.812.613
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.169.720.000	-
Kho bạc nhà nước	6.900.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>58.984.837.007</b>	<b>57.560.105.500</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <Xem chi tiết tại phụ lục số 02>****16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a/ Ngắn hạn</i>	<i>184.078.784</i>	<i>184.078.784</i>	<i>356.601.292</i>	<i>356.601.292</i>
Lãi vay phải trả NH TMCP Quân Đội	184.078.784	184.078.784	356.601.292	356.601.292
<i>b/ Dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>184.078.784</b>	<b>184.078.784</b>	<b>356.601.292</b>	<b>356.601.292</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp khác	234.174.132	311.976.155
CN Cty TNHH DV giao nhận hàng hóa Mặt trời toàn cầu	-	156.421.990
CN Cty TNHH TM & DV Song Bình-TT CPN Phía Bắc	-	26.291.070
Công ty CP du lịch và hợp tác Quốc Tế Việt	-	52.114.000
Tổng công ty bảo hiểm PVI	3.726.395	34.501.358
Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội - Hàng không	313.385	313.385
Cục thuế thành phố Hà Nội	40.719.352	40.719.352
Ông Hoàng Văn Trường	9.500	9.500
Ông Nguyễn Đức Trường	1.605.500	1.605.500
Ông Nguyễn Lê Dũng	30.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	157.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>234.174.132</b>	<b>311.976.155</b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam_CN Hoàng Quốc Việt (1)	20.071.820.279	43.373.196.088
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_CN Đống Đa (2)	4.052.420.375	18.939.314.820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Hoàn Kiếm (3)	-	19.496.220.440
<b>Cộng</b>	<b>24.124.240.654</b>	<b>81.808.731.298</b>

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 82020.16.056.631182.TD ngày 01/11/2016 với hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là: 150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 260.15.056.631182.TD ngày 27/07/2015 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm của khách hàng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/11/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên là Giấy CN QSD đất, quyền SH nhà và các tài sản khác tại 33 Vũ Ngọc Phan - Hà Nội. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 29-2017/HĐCVTL/NHCT126 ngày 27/04/2017 với số tiền là: 1.524.417.510 đồng với mục đích thanh toán tiền mua thiết bị mạng theo HĐKT số 171IANSD0327 ngày 29/3/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 42-2017/HĐCVTL/NHCT126 ngày 26/05/2017 với số tiền là: 10.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán tiền mua thiết bị mạng theo các HĐKT đã ký kết. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2440083/HĐTD ngày 04/10/2016 với hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền là : 150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2015/2440083 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.282.929.022	7.758.758.505
- Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam_CN Hoàng Quốc Việt (4)	7.282.929.022	7.758.758.505
<b>Cộng</b>	<b>7.282.929.022</b>	<b>7.758.758.505</b>

(4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng số 33548.16.056.631182.TD ngày 08/06/2016 với số tiền là: 7.300.000.000 đồng với mục đích: thanh toán chi phí đầu tư xây dựng trụ sở Công ty tại địa chỉ thửa đất số A5+A6 tờ bản đồ 6E-II-29 số 33 Phố Vũ Ngọc Phan phường Láng Hạ, quận Đống Đa Hà Nội, thời hạn vay 60 tháng. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định theo văn bản nhận nợ của khách hàng.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 03>

**19. Vốn góp chủ sở hữu**

**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 04>**

**19.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu**

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên)		
Trần Thanh Hải	1.440.000	18,00%
Lê Ngọc Tú	1.280.000	16,00%
AFC VF LIMITED	543.600	6,80%
Cổ phiếu quỹ	716.630	8,96%
Vốn góp của các cổ đông khác	4.019.770	50,25%
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000</b>	<b>100%</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

## 19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

## 19.4 Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	716.630	716.630
Cổ phiếu phổ thông	716.630	716.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	7.283.370	7.283.370
Cổ phiếu phổ thông	7.283.370	7.283.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

## 19.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Quỹ đầu tư phát triển	33.011.828.236	27.577.384.062
<b>Cộng</b>	<b>33.011.828.236</b>	<b>27.577.384.062</b>

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

## Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	14.954,07	2.773,40

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH &lt;đồng&gt;

## 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.420.804.195	196.381.310.576
<b>Cộng</b>	<b>104.420.804.195</b>	<b>196.381.310.576</b>

## 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	-	-
--	---	---

## 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.420.804.195	196.381.310.576
<b>Cộng</b>	<b>104.420.804.195</b>	<b>196.381.310.576</b>

## 4. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	89.380.224.595	178.737.554.054
<b>Cộng</b>	<b>89.380.224.595</b>	<b>178.737.554.054</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Kỳ này

Kỳ trước

99.957.370

361.492.829

Lãi chênh lệch tỷ giá

21.651.107

32.734.768

Chiết khấu thanh toán được hưởng

1.130.984.328

2.176.625.838

**Cộng****1.252.592.805****2.570.853.435****6. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay

Kỳ này

Kỳ trước

2.146.043.177

2.072.345.200

Lỗ do chênh lệch tỷ giá thực hiện trong kỳ

-

311.348.255

Lỗ do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ

196.461.515

302.559.092

**Cộng****2.342.504.692****2.686.252.547****7. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên

Kỳ này

Kỳ trước

896.669.646

756.086.774

Chi phí bảo hành

124.350.000

182.317.086

Chi phí dịch vụ mua ngoài

-

1.638.726.381

Chi phí bằng tiền khác

59.116.289

91.729.235

**Cộng****1.080.135.935****2.668.859.476****8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí cho nhân viên

Kỳ này

Kỳ trước

3.497.486.235

5.897.279.888

Chi phí đồ dùng văn phòng

139.686.005

398.467.235

Chi phí khấu hao TSCĐ

412.009.731

889.943.515

Thuế phí và lệ phí

88.725.044

345.508.445

Chi phí dịch vụ mua ngoài

-

724.104.825

Chi phí bằng tiền khác

3.993.739.803

4.104.632.839

**Cộng****8.131.646.818****12.359.936.747****9. Thu nhập khác**

Thu nhập khác

Kỳ này

Kỳ trước

45.604

1.850.003

**Cộng****45.604****1.850.003**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**10. Chi phí khác**

Thuế nộp chậm, phạt, truy thu  
Phạt vi phạm hợp đồng  
Chi phí khác

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	3.308.519	41.612.611
	-	172.029.000
	20.662	501
	<b>3.329.181</b>	<b>213.642.112</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

1. Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông  
2. Thuế TNDN của Công ty TNHH DV phần mềm infonet  
3. Thuế TNDN phải nộp (3 = 1 + 2)

	Kỳ này	Kỳ trước
	1.077.603.402	653.427.886
	-	5.975.000
	<b>1.077.603.402</b>	<b>659.402.886</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu  
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông  
Lãi trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
	3.657.997.981	1.628.366.192
	7.283.370	7.283.370
	502	224

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

*Đơn vị tính: đồng*

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (MS 33)

*Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường*

22.498.594.533

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (MS 34)

*Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường*

80.658.914.660

**VIII. Những thông tin khác:**

**1. Công cụ tài chính:**

**1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

**1.2. Các loại công cụ tài chính:**

**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.253.562.960	30.865.502.084
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	117.950.077.288	153.324.216.142
Đầu tư ngắn hạn	-	-

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)*

Đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	31.407.169.676	89.567.489.803
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	43.796.856.672	35.888.298.170

**1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.124.240.654	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	43.796.856.672	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		7.282.929.022
Công nợ khác	-	184.078.784

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**2. Thông tin về các bên liên quan:**

Thù lao của các thành viên chủ chốt

Kỳ này

Kỳ trước

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

174.000.000

174.000.000

**3. Báo cáo bộ phận****A. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động kinh doanh trong cùng một môi trường địa lý và trong cùng một phạm vi môi trường kinh tế nên không có sự khác biệt về điều kiện, chính trị, địa lý như đã nêu trong chuẩn mực.

**B. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty Cổ phần công nghệ Mạng và Truyền thông là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu theo mã ngành thông tin và truyền thông. Các hoạt động đầu tư kinh doanh khác không có.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội - CPAHANOL.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

**6. Những thông tin khác**

Lợi nhuận sau thuế kỳ này tăng trên 10% so với kỳ trước là do: Các chi phí kỳ này giảm đáng kể, cụ thể: Chi phí tài chính giảm trên 13%, chi phí bán hàng giảm trên 60%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm trên 34%, tuy nhiên doanh thu kỳ này giảm 47% so với kỳ trước nhưng giá vốn kỳ này giảm nhiều hơn tới 50% so với kỳ trước.

**6.1 Một số chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,62	89,47
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,38	10,53
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	51,13	58,52
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	48,87	41,48
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,96	1,71
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,60	1,62

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,16	0,17
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	4,54	1,16
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	3,50	0,83
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1,67	0,76
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,29	0,49

**6.2 Thông tin khác**

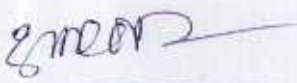
Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu



Trần Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Ngọc Tú



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	-	313.349.419	3.064.924.479	1.499.843.786	4.878.117.684
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	313.349.419	3.064.924.479	1.499.843.786	4.878.117.684
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	-	313.349.419	2.661.628.488	1.231.734.786	4.206.712.693
- Khấu hao trong kỳ	-	-	111.289.607	48.383.006	159.672.613
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	313.349.419	2.772.918.095	1.280.117.792	4.366.385.306
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	-	-	403.295.991	268.109.000	671.404.991
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	292.006.384	219.725.994	511.732.378

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho kỳ hoạt động  
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**15a,b. Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: đồng

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	106.930.643	-	5.542.958.661	5.564.512.916	128.484.898	-
Thuế xuất nhập khẩu	27.632.873	-	5.704.186	5.704.186	27.632.873	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.087.772	-	1.077.603.402	-	7.029.010	1.035.544.640
Thuế thu nhập cá nhân	-	198.413.779	122.053.211	347.618.160	27.151.170	-
Các loại thuế khác	-	-	6.308.519	6.308.519	-	-
<b>Cộng</b>	<b>183.651.288</b>	<b>198.413.779</b>	<b>6.754.627.979</b>	<b>5.924.143.781</b>	<b>190.297.951</b>	<b>1.035.544.640</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho kỳ hoạt động  
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**Phụ lục 03: Chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ**

Đơn vị tính: đồng

Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a.</b>						
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.124.240.654	24.124.240.654	22.305.325.394	79.989.816.038	81.808.731.298	81.808.731.298
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam_CN Hoàng Quốc Việt	20.071.820.279	20.071.820.279	18.252.905.079	41.554.280.838	43.373.196.038	43.373.196.038
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_CN Đống Đa	4.052.420.375	4.052.420.375	4.052.420.315	18.939.314.760	18.939.314.820	18.939.314.820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Hoàn Kiếm	-	-	19.496.220.440	19.496.220.440	19.496.220.440	19.496.220.440
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>7.282.929.022</b>	<b>7.282.929.022</b>	<b>193.269.139</b>	<b>669.098.622</b>	<b>7.758.758.505</b>	<b>7.758.758.505</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam_CN Hoàng Quốc Việt	7.282.929.022	7.282.929.022	193.269.139	669.098.622	7.758.758.505	7.758.758.505
<b>Cộng</b>	<b>31.407.169.676</b>	<b>31.407.169.676</b>	<b>22.498.594.533</b>	<b>80.658.914.660</b>	<b>89.567.489.803</b>	<b>89.567.489.803</b>
<b>b.</b>						

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Số 36 phố Trúc Khê, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Phụ lục 04: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	21.569.439.736	1.485.673.390	32.885.390.832	-	130.706.700.435
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.245.925.564	-	7.245.925.564
- Tăng khác	-	-	6.007.944.326	400.529.622	1.040.764.529	-	7.449.238.477
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	8.433.551.148	-	8.433.551.148
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.738.529.777	-	136.968.313.328
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.738.529.777	-	136.968.313.328
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	3.657.997.981	-	3.657.997.981
- Tăng khác	-	-	5.434.444.174	362.296.278	-	-	5.796.740.452
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	5.796.740.452	-	5.796.740.452
+ <i>Trả cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng P.lợi</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Trích Quỹ khác thuộc VCSH.</i>	-	-	-	-	362.296.278	-	362.296.278
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	1.818.485.112	-	1.818.485.112
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	33.011.828.236	2.248.499.290	28.781.302.194	-	138.807.826.197